

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 03-9-2023

V/v tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Công Nhận và bà Bùi Thị Vân.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thuý Dương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 03/9/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 203/2023/TLST-HNGĐ ngày 22/6/2023 về tranh chấp: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/8/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H sinh năm 1980; vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Đào Văn T sinh năm 1976; vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng:

- Anh Đào Văn N, sinh năm 2001; vắng mặt.

- Bà Phạm Thị S, sinh năm 1966; vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bà H, ông T, trình bày: Ông, bà kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn tại UBND xã T1 nay là xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào ngày 28/8/2000. Vợ chồng chung sống đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nết và đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay, bà H và ông T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà H xin ly hôn, ông T đồng ý.

Về con chung: Bà H, ông T xác định có hai con là anh Đào Văn N, sinh ngày

04/7/2001 và chị Đào Thị T2, sinh ngày 06/11/2004. Khi ly hôn, do các con đã đủ 18 tuổi, không bị nhược điểm thể chất, tâm thần kinh, nên bà H, ông T không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung khi vợ chồng ly hôn.

Về tài sản, nợ, công sức: Bà H, ông T không đề nghị giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, anh N và bà S (anh N là con; bà S là chị của đương sự), xác định: Trong quá trình chung sống các bên đương sự có phát sinh mâu thuẫn; gia đình đã động viên, khuyên bảo nhưng không thành, hiện tại đã sống ly thân và không còn biện pháp nào để cải thiện tình trạng hôn nhân. Nay các bên đương sự ly hôn; anh N, bà S đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Anh N, bà S xác định đối với các văn bản của Tòa án đã giao, thông báo cho ông T.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị, áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự. Điều 147, 227, 228, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử, bà H được ly hôn ông T; bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, HĐXX nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà H, ông T đều đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà H, ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã T1 nay là xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào ngày 28/8/2000, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai bên đương sự phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp tính nết, không còn sự tin tưởng, tôn trọng nhau và đã sống ly thân. Theo chính quyền địa phương, người thân trong gia đình của đương sự, đều xác định: Mâu thuẫn giữa hai bên đương sự đã trầm trọng, đã sống ly thân và không còn khả năng đoàn tụ hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án, bà H, gia đình của đương sự đã thông báo cho ông T biết, nhưng ông T không tham gia phiên hòa giải, điều này chứng tỏ ông T không tha thiết và mong muốn tìm kiếm biện pháp để cải thiện tình trạng hôn nhân; còn bà H cương quyết xin ly hôn. Mặt khác khi giải quyết vụ án, các bên đương sự đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn. Như vậy, từ những căn cứ như đã nêu ở trên có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa các bên đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của bà H, đề nghị của đại

diện Viện kiểm sát, xử bà H được ly hôn ông T.

[3] Về quan hệ con chung: HĐXX xác định bà H, ông T có hai con là anh Đào Văn N, sinh ngày 04/7/2001; chị Đào Thị T2, sinh ngày 06/11/2004. Khi ly hôn, do các con của đương sự đã đủ 18 tuổi, không bị nhược điểm thể chất, tâm thần kinh. Do vậy, HĐXX không xem xét giải quyết việc nuôi dưỡng các con chung khi bà H, ông T ly hôn.

[4]. Về quan hệ tài sản, nợ, công sức: Bà H, ông T không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 147, 227, 228, 229, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H ly hôn ông Đào Văn T.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000860 ngày 20/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã T, huyện Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tuấn